

Số: 195/QĐ-HVPNVN

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt mục tiêu và chuẩn đầu ra
chương trình đào tạo trình độ đại học của Học viện Phụ nữ Việt Nam

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Phụ nữ Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định 568/QĐ-HVPNVN ngày 29/5/2025 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ Hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần của Học viện Phụ nữ Việt Nam ban hành kèm Quyết định 1329/QĐ-HVPNVN ngày 16/12/2024 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ kết quả góp ý, thẩm định của Hội đồng Khoa học và Đào tạo đào tạo;
Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Truyền thông xã hội thuộc ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học, mã số: 7320104 (có văn bản chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ khoá tuyển sinh năm học 2026 - 2027.

Điều 3. Phòng Đào tạo, Khoa Truyền thông đa phương tiện và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Học viện;
- Lưu VT, ĐT.



Trần Quang Tiến

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRUYỀN THÔNG XÃ HỘI

*(Ban hành theo Quyết định số 195/QĐ-HVPNVN ngày 06 tháng 3 năm 2026
của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)*

1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo:
 - + Tên tiếng Việt: **Truyền thông xã hội**
 - + Tên tiếng Anh: **Social media communication**
- Ngành đào tạo: Truyền thông đa phương tiện
- Mã ngành: 7320104
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Truyền thông đa phương tiện
(Truyền thông xã hội)
- Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Học viện Phụ nữ Việt Nam

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo trình độ đại học Truyền thông xã hội theo định hướng đổi mới sáng tạo, hướng tới việc đào tạo người học có nền tảng kiến thức toàn diện về truyền thông, công nghệ và các vấn đề xã hội, quản lý, sáng tạo nội dung trên nền tảng số. Cử nhân Truyền thông xã hội được trang bị kiến thức về truyền thông, bình đẳng giới, năng lực tư duy phản biện, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, khả năng thích ứng với sự phát triển trong môi trường truyền thông số, có ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, có năng lực ngoại ngữ và năng lực số đáp ứng yêu cầu công việc và giải quyết những vấn đề phù hợp với bối cảnh truyền thông toàn cầu và tại Việt Nam.

2.2. Các mục tiêu cụ thể:

PO1: Trang bị cho người học kiến thức nền tảng lí luận về chính trị và pháp luật, kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức về bình đẳng giới và phát triển phụ nữ, kiến thức về truyền thông xã hội từ đó hình thành lập trường, quan điểm chính trị vững vàng, có khả năng nhận thức, tư duy, phân tích, đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn trong công việc, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

PO2: Đào tạo người học có khả năng thiết kế, tổ chức, sản xuất và triển khai các sản phẩm, hoạt động và chiến dịch truyền thông số trên nền tảng mạng xã hội; thành thạo kỹ năng mềm, ngoại ngữ, công nghệ số và các phương tiện kỹ thuật truyền thông; đồng thời phân tích công chúng, nội dung và dữ liệu truyền thông để nâng cao hiệu quả truyền thông trong môi trường hội nhập quốc tế.

PO3: Đào tạo cử nhân ngành truyền thông xã hội có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tự nghiên cứu, khởi nghiệp, tác phong và thái độ làm việc chuyên nghiệp, trách nhiệm, nhiệt tình và hòa đồng.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

PLO1: Hiểu và diễn giải được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kiến thức bình đẳng giới liên quan đến lĩnh vực truyền thông.

PLO2: Diễn giải và phân tích được các kiến thức cơ bản của ngành truyền thông, bao gồm lý thuyết truyền thông, ngôn ngữ truyền thông, phương pháp nghiên cứu, pháp luật và đạo đức truyền thông; từ đó nhận diện và phân tích các vấn đề trong truyền thông, đặc biệt là truyền thông mạng xã hội.

PLO3: Vận dụng kiến thức văn hóa, xã hội, quảng cáo, an ninh truyền thông, dư luận xã hội để giải thích và định hướng các hoạt động quản trị truyền thông xã hội, quản lý cộng đồng trực tuyến và xử lý khủng hoảng truyền thông.

PLO4: Áp dụng kiến thức về công nghệ số, ngoại ngữ vào xây dựng, điều hành, tổ chức thực hiện sản phẩm truyền thông; đồng thời nhận thức và giải thích được các yêu cầu về chuyển đổi số, thích ứng nghề nghiệp, tự học, tự nghiên cứu, khởi nghiệp trong lĩnh vực truyền thông xã hội.

3.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO5: Phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề, tình huống nghề nghiệp trong lĩnh vực truyền thông xã hội trên cơ sở tuân thủ chính sách, pháp luật; nhận diện tâm lý và hành vi công chúng trên nền tảng số, sử dụng dữ liệu truyền thông để hỗ trợ ra quyết định, và thích ứng với môi trường đa văn hóa, biến động.

PLO6: Đề xuất và phát triển ý tưởng sáng tạo trong truyền thông xã hội; vận dụng ngôn ngữ truyền thông, phương pháp nghiên cứu và nguyên tắc nghề nghiệp để xây dựng nội dung và mô hình sản phẩm truyền thông số phù hợp với đặc điểm nền tảng và xu hướng truyền thông số.

PLO7: Sử dụng thiết bị, phần mềm và công cụ phân tích dữ liệu truyền thông, công nghệ số và AI để sản xuất và phát hành nội dung số; thành thạo kỹ năng quảng cáo, tổ chức chiến dịch quảng bá, quản trị nền tảng mạng xã hội, quản lý cộng đồng trực tuyến, quản trị khủng hoảng truyền thông, an ninh truyền thông để thiết kế, triển khai, quản lý dự án, tổ chức hoạt động truyền thông trên mạng xã hội.

PLO8: Sáng tạo và điều chỉnh các sản phẩm truyền thông văn hoá – giải trí, truyền thông chính sách, tổ chức livestream góp phần phát triển công nghiệp văn hoá, định hướng dư luận xã hội phù hợp với đặc điểm công chúng và bối cảnh truyền thông đương đại.

PLO9: Vận dụng kiến thức truyền thông xã hội và các nguyên tắc, lý thuyết nền tảng về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo để đề xuất, xây dựng và triển khai ý tưởng/ kế hoạch khởi nghiệp trong lĩnh vực truyền thông; đồng thời thực hiện các bước cơ bản

của nghiên cứu ứng dụng và thể hiện năng lực giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và ra quyết định trong môi trường làm việc.

3.3. Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO10: Thể hiện trách nhiệm, đạo đức, kỷ luật nghề nghiệp; tham gia hoạt động cộng đồng, tôn trọng sự khác biệt; chủ động, cầu tiến trong công việc, trong nhận thức và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; đồng thời có khả năng học tập suốt đời, khởi nghiệp bằng ngành đã học.

PLO11: Tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong nhiều hoàn cảnh khác nhau, trong môi trường số, hội nhập quốc tế, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

PLO12: Hướng dẫn giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực được giao; Tự định hướng đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân về truyền thông xã hội; Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong khối ngành truyền thông.

3.4. Chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ, năng lực số

3.4.1. Ngoại ngữ

PLO13: Sử dụng được tiếng Anh ở trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam: Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v...; Có thể viết các đoạn văn ngắn đơn giản về các chủ đề quen thuộc hoặc chủ đề trong lĩnh vực chuyên môn; có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình; Có thể đọc, hiểu các tài liệu chuyên ngành hoặc các lĩnh vực quan tâm được diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.

Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ năng lực tiếng Anh tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam:

Chứng chỉ / Văn bằng	Trình độ/Thang điểm tương đương bậc 3
CEFR/APTIS	B1
TOEIC (L&R)	450-595
IELTS	4.0-5.0
PTE Academic	43-58
TOEFL ITP	450-499
TOEFL iBT	30-45
Cambridge	140-159 PET
Linguaskill	140-159
Bài thi của Học viện Phụ nữ Việt Nam	Điểm thi: 5-10

Sử dụng được Tiếng Anh giao tiếp ở trình độ Bậc 3/6 theo Khung năng lực

3.4.2. Năng lực số

PLO14: Đạt được các năng lực số áp dụng đối với sinh viên tất cả các ngành đào tạo tại Học viện; được Học viện xây dựng và phê duyệt trong đề cương chi tiết Học phần năng lực số trên cơ sở tham khảo các quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/1/2025 quy định Khung năng lực số cho người học).

4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có nhiều cơ hội lựa chọn vị trí việc làm, cụ thể:

- Nhà sáng tạo nội dung số trên nền tảng mạng xã hội
- Quản lý – điều phối dự án truyền thông, dự án quảng cáo, dự án truyền thông văn hoá – giải trí trên nền tảng mạng xã hội
- Chuyên viên nghiên cứu thị trường, phân tích xu hướng truyền thông, xu hướng tiêu dùng, hành vi trên mạng xã hội
- Chuyên viên phụ trách tuyên truyền, quản lý truyền thông xã hội trong hệ thống chính trị các cấp
- Chủ doanh nghiệp, khởi nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm truyền thông trên mạng xã hội
- Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về truyền thông tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng hoặc học nâng cao trình độ ở bậc sau đại học.



5. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

5.1. Ma trận đóng góp của Chuẩn đầu ra vào Mục tiêu Chương trình đào tạo

TT	CĐR	PO1	PO2	PO3
1	PLO1	x		
2	PLO2	x		
3	PLO3	x		
4	PLO4	x		
5	PLO5		x	
6	PLO6		x	
7	PLO7		x	
8	PLO8		x	
9	PLO9		x	
10	PLO10			x
11	PLO11			x
12	PLO12			x
13	PLO13			x
14	PLO14			x



5.2 Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

STT	Tên học phần	Bộ chuẩn đầu ra													
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14
1	Triết học Mác – Lênin	3				3					3				
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	3				3					3				
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3				3					3				
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	3				3					3				
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3				3					3				
6	Khởi nghiệp kinh doanh		3							3			3		
7	Cơ sở văn hóa Việt Nam		2				2				1				
8	Phương pháp nghiên cứu truyền thông				3		3			3		3			
9	Đạo đức và pháp luật truyền thông		3				3					3			
10	Giới và phát triển	2							2				2		
11	Tiếng Anh 1				2									3	
12	Tiếng Anh 2				2									3	
13	Tiếng Anh 3				2									3	
14	Tiếng Anh 4				2									3	
15	Năng lực số cơ bản				3										3
16	Năng lực số nâng cao				3										3
17	Giáo dục thể chất											2	2		
18	Giáo dục quốc phòng	3				3					3				
	Pháp luật đại cương	3				2					2				
19	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định				2					2			2		
20	Kỹ năng xây dựng và phát triển nhóm làm việc				2					2			2		



STT	Tên học phần	Bộ chuẩn đầu ra													
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14
	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc hiệu quả				2					2			2		
	Kỹ năng giao tiếp		2							2			2		
	Kỹ năng tư duy		2							2			2		
	Tâm lý học đại cương		2								2		2		
	Tiếng Việt thực hành		2							2			2		
21	Các loại hình truyền thông hiện đại		3				2					2			
22	Lý thuyết truyền thông		3				2					2			
23	Nhập môn tư duy thị giác		3				3						3		
24	Nhập môn truyền thông xã hội			3				3				2	2		
25	Quảng cáo			3				3					3		
26 27	Quản lý dự án đa phương tiện		2					3					2		
	Kinh doanh sản phẩm truyền thông số		3				2						3		
	Tổ chức sự kiện		3					2					3		
	Marketing số		2							2			2		
	Truyền thông marketing tích hợp số		2							2			3		
	Tâm lý học truyền thông		2				2						2		
	Kỹ năng thuyết trình				2						2			2	
	Nghiên cứu khoa học sinh viên									3		2	3		
28	Nhiếp ảnh		3					3					2		
29	Kịch bản truyền thông		3					3					2		
30	Quay phim		3					3					2		
31	Biên tập audio và video		3					3				2			2
32	Thiết kế sản phẩm truyền thông cơ bản		3					3				2			2
33	Ngôn ngữ truyền thông			3				3				2	2		
34	Truyền thông và công nghiệp văn hoá			3					3				2		

STT	Tên học phần	Bộ chuẩn đầu ra													
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14
35	Truyền thông và dư luận xã hội			3					3			2	2		
36	Quản trị khủng hoảng truyền thông			3				3					2		
37	Chiến dịch quảng bá			3				3					2		
38	Quản trị nền tảng mạng xã hội			3				3					2		
39	Quản lý cộng đồng trực tuyến			3				3					2		
40	Sản xuất livestream chuyên nghiệp			3					3			2			2
41	An ninh truyền thông			3				3				2			
42	Sáng tạo sản phẩm truyền thông văn hoá - giải trí			3					3				2		
43	Truyền thông chính sách			3					3						
44	Sản xuất nội dung trên mạng xã hội			3					3			3	2		
45	Sản xuất phim quảng cáo			3					3				2		
	Kỹ năng dẫn chương trình			3					3			2	2		
	Kỹ năng viết cho truyền thông			3				3		2		2			
	Sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện			3					3				2		
45	Thực tế chính trị xã hội			3					2				2		
46	Giới trong truyền thông	2				2					2				
47	Xử lý hình ảnh		2					3				2			2
	Đồ họa chuyển động 2D		2					3				2			2
47	Quan hệ công chúng			3				2					2		
	Quản trị thương hiệu và hình ảnh			3				2					2		
	Văn hóa DN và truyền thông nội bộ			3				2					2		
	Xây dựng và phát triển thương hiệu cá nhân			3				2					2		
	48	Kiến tập nghề nghiệp				3				3				3	
49	Thực tập chuyên ngành				3				3				3		
50	Thực tập tốt nghiệp				3				3				3		

STT	Tên học phần	Bộ chuẩn đầu ra													
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14
51	Khóa luận/Dự án tốt nghiệp				3				3				3		
	Thực hành dự án truyền thông an sinh xã hội				3				3				3		
	Thực hành dự án truyền thông marketing và thương hiệu				3				3				3		

Ghi chú:

1: đóng góp thấp;

2: đóng góp trung bình;

3: đóng góp cao

6. Kế hoạch và cam kết thực hiện Chuẩn đầu ra

6.1 Kế hoạch thực hiện để đạt chuẩn đầu ra:

Để đạt được chuẩn đầu ra trên đây, Học viện xây dựng một số giải pháp chủ yếu thực hiện như sau:

- Tổ chức xây dựng chương trình dạy học đáp ứng chuẩn đầu ra; thường xuyên cập nhật, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của bối cảnh hội nhập quốc tế, của thị trường và nhà tuyển dụng lao động.

- Tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả người học và các hoạt động đảm bảo chất lượng một cách nghiêm túc, đúng quy định;

- Đào tạo, tuyển dụng đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng đảm bảo đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng.

- Đảm bảo có đầy đủ thiết bị, phương tiện phục vụ đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng; đủ giáo trình, tài liệu, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ học tập cho sinh viên. Phối hợp, kết nối chặt chẽ với các cơ quan và nhà tuyển dụng để xây dựng cơ sở thực hành, thực tập, nghiên cứu và tuyển dụng người học.

6.2. Cam kết thực hiện chuẩn đầu ra

Học viện Phụ nữ Việt Nam cam kết tổ chức đào tạo và đánh giá khách quan kết quả học tập, rèn luyện của học viên theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo của Học viện Phụ nữ Việt Nam./.

GIÁM ĐỐC *gq*


PGS. TS. Trần Quang Tiến